**PHỤ LỤC 01**

**Nội dung tiếp thu ý kiến thẩm tra của các Tổ đại biểu và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Kèm theo Báo cáo số: 313 /BC-UBND ngày 03 tháng12 năm2019*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020; Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020([[1]](#footnote-2))**

***- Về tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 04 tháng 07 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh([[2]](#footnote-3)) và đề ra định hướng và giải pháp cho giai đoạn tiếp theo:***Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Tổ đại biểu Kon Plông, sẽ đưa nội dung trên vào Chương trình công tác năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh để đánh giá hiệu quả việc triển khai Đề án và đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

***- Về số liệu nợ thuế:***Tại dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020([[3]](#footnote-4)), số liệu nợ thuế được cập nhật đến ngày 31 tháng 8 năm 2019. Tuy nhiên, tại Báo cáo thu, chi ngân sách năm 2019([[4]](#footnote-5)), số liệu nợ thuế được cập nhật đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, số liệu nợ thuế giữa 02 báo cáo có sự chênh lệch. Tiếp thu ý kiến Tổ đại biểu Tu Mơ Rông, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ rà soát, thống nhất số liệu giữa các báo cáo.

***- Về phần khuyết điểm, hạn chế (tại trang 21 dự thảo Báo cáo) và giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tại trang 28 dự thảo Báo cáo):***Tiếp thu ý kiến Tổ đại biểu Tu Mơ Rông, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bổ sung giải pháp trên vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

***- Về các khuyết điểm, hạn chế năm 2019 và một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2020:*** Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá của Ban Kinh tế - Ngân sách về khuyết điểm, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại mục 1 Phần I Báo cáo thẩm tra vào dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đồng thời sẽ cụ thể hóa và phân công nhiệm vụ cho từng Sở, ban ngành, địa phương trong Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

***- Về số liệu diện tích, sản lượng dược liệu chưa khớp đúng giữa báo cáo và phụ lục:*** Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát lại và thống nhất số liệu như tại Báo cáo 301/BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau: Diện tích Sâm Ngọc Linh là 660 ha; diện tích dược liệu khoảng 750 ha, sản lượng đạt khoảng 3.950 tấn (chưa tính Sâm Ngọc Linh).

**2. Báo cáo công tác năm 2019 và nhiệm vụ công tác năm 2020([[5]](#footnote-6))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế về các hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị nêu tại Báo cáo thẩm tra. Ngay sau kỳ họp thứ 9, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xây dựng kế hoạch, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế để nâng cao chất lượng công tác thời gian đến *(lồng ghép vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020)*; gửi đến Ban Pháp chế trong tháng 01 năm 2020 để theo dõi, giám sát việc thực hiện.

**3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh năm 2019([[6]](#footnote-7))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt để khắc phục những hạn chế như trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh và theo dõi sát sao hơn trong công tác triển khai, thực hiện trong thời gian tới *(lồng ghép vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020)*.

**4. Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2019 và kế hoạch tài chính năm 2020 các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách([[7]](#footnote-8))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra một số quỹ ngoài ngân sách theo quy định (*trong năm 2019, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, Quỹ Phát triển đất tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh đã được Kiểm toán Nhà nước thanh tra, kiểm tra*). Đồng thời, rà soát các quy định liên quan đến việc thành lập, quản lý và hoạt động các Quỹ tài chính thuộc phạm vi quản lý để kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao năng lực hoạt động, tính độc lập và hoạt động có hiệu quả, đúng thực chất phù hợp với tình hình thực tế.

**5.Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2019([[8]](#footnote-9))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương có liên quan khắc phục những hạn chế như đã phân tích tại Báo cáo thẩm tra nêu trên *(lồng ghép vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020)*. Đồng thời, cập nhật thống nhất số liệu về xây dựng nông thôn mới như sau: Đến nay đã có 19 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 06 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 29 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 31 xã đạt từ 5-9 tiêu chí; bình quân đạt 12,23 tiêu chí trên xã, tăng 0,82 tiêu chí/xã so với năm 2018. Dự kiến cuối năm có thêm 03 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới, bình quân đạt 13 tiêu chí/xã; nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới dự kiến đến cuối năm 2019 là 22 xã, đạt so với mục tiêu đề ra([[9]](#footnote-10)).

**6. Báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020([[10]](#footnote-11))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo các ngành có liên quan khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời triển khai thực hiện tốt các giải pháp đã được Ban Kinh tế - Ngân sách nêu tại Báo cáo thẩm tra (*lồng ghép vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020*).

**7. Báo cáo về công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020([[11]](#footnote-12))**; **Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 trên địa bàn tỉnh([[12]](#footnote-13))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, sẽ có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tăng cường thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, công tác công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, địa phương liên quan xây dựng Kế hoạch phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, hạn chế để nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và công tác phòng, chống tham nhũng; gửi đến Ban Pháp chế trong tháng 01 năm 2020 để theo dõi, giám sát theo đề nghị tại các Báo cáo thẩm tra nêu trên.

Đối với số liệu về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật hành chính (*số vụ vi phạm; số tiền phạt; số tiền thu qua xử phạt; giá trị tang vật, phương tiện, hàng hóa bị tịch thu đã tổ chức bán đấu giá theo quy định*) trùng khớp so với năm 2018, chưa mang tính thuyết phục: Nội dung này do sơ xuất trong công tác biên tập văn bản và phối hợp cung cấp số liệu giữa các cơ quan liên quan đã để xảy ra sai sót trên, Ủy ban nhân dân tỉnh nghiêm túc tiếp thu và điều chỉnh nội dung, số liệu về tình hình công tác phòng, chống vi phạm hành chính (*tại điểm 1.1 khoản 1 phần II Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh*) như sau:

*"Từ đầu năm đến nay, tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục có những diễn biến phức tạp; các hành vi vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh xảy ra hầu hết trên tất cả lĩnh vực, trong đó, vẫn tập trung chủ yếu là vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, thuế, khai thác khoáng sản, môi trường... Đối tượng phạm tội chủ yếu là thanh thiếu niên, người không có việc làm và lao động từ các địa phương khác đến, cụ thể:*

*- Lực lượng chức năng toàn tỉnh phát hiện 21.552 vụ vi phạm hành chính: Đã xử phạt 22.134 trường hợp, thu 21.206.085.687 đồng. Riêng lực lượng Công an, phát hiện 16.761 trường hợp (tăng 3.247 trường hợp tương đương 24% so với năm 2018) và xử phạt 18.737 trường hợp vi phạm, thu 10.865.609.000 đồng, phạt cảnh cáo 162 trường hợp.*

*- Giá trị tang vật, phương tiện, hàng hóa bị tịch thu của các cơ quan, đơn vị địa phương đã tổ chức bán đấu giá theo quy định 2.002.500.000 đồng.*

*- Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn của các cơ quan, đơn vị, địa phương là 12 đối tượng; tổng số bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 01 đối tượng; tổng số đối tượng là người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình 24 đối tượng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2019 trên địa bàn tỉnh có 260 đối tượng đang chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.*

*- Việc thi hành quyết định xử phạt còn gặp nhiều khó khăn do người vi phạm trốn tránh, không chịu thi hành, chi phí tổ chức cưỡng chế cao. Bên cạnh đó, nhiều trường hợp người có hành vi vi phạm là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn không có khả năng nộp phạt (số quyết định hoãn, miễn giảm thi hành phạt tiền của các cơ quan, đơn vị địa phương là 27 quyết định, số trường hợp hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền của lực lượng Công an là 06 quyết định). Việc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong nhiều trường hợp không thực hiện được do không thể cưỡng chế người có hành vi vi phạm thực hiện việc khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, chế tài đối với việc không thực hiện việc khắc phục hậu quả cũng chưa được quy định cụ thể".*

**8. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2020 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[13]](#footnote-14))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung đầy đủ các văn bản pháp lý có liên quan đến danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác. Đồng thời, biên tập lại khoản 2, Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:

“*2. Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác là* ***11*** *dự án/****13,26*** *ha*”.

**9. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về phương án tăng vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum([[14]](#footnote-15))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

- Chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết: “*Về Phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ từ nguồn ngân sách tỉnh cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đến năm 20*25”

- Chỉnh sửa Điều 1 Nghị quyết như sau: “*Phê duyệt Phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ từ nguồn ngân sách tỉnh cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đến 2025.*

***Mục tiêu:*** *Đến năm 2025, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có vốn điều lệ trên 300.000 triệu đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp, bổ sung giai đoạn 2021-2024 là 47.000 triệu đồng (có Phương án kèm theo).*”

- Hoàn chỉnh lại Phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ cho phù hợp (*Chi tiết tại Phương án kèm theo dự thảo Nghị quyết*).

**10. Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[15]](#footnote-16)).**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo: (i) Các cơ quan chuyên môn chủ động phối hợp với cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích để người dân hiểu và nắm được việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế là thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. (ii) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 847/CT-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về các giải pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng dịch vụ khi thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**11. Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết và nội dung trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành([[16]](#footnote-17))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

- Chỉnh sửa tiêu đề của Nghị quyết như sau: “*bãi bỏ các Nghị quyết và một nội dung trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh*”.

- Chỉnh sửa lại Điều 1 Nghị quyết như sau:

“*Điều 1. Bãi bỏ các Nghị quyết và một số nội dung trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:*

*1. Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh*

*a) Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C tỉnh Kon Tum.*

*b) Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.*

*2. Bãi bỏ Điều 9 của Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.*”

- Chỉnh sửa lại hiệu lực thi hành của Nghị quyết từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 *(do Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có hiệu lực thi hành([[17]](#footnote-18)); bên cạnh đó thời gian còn lại của năm 2019 không nhiều nên việc quy định hiệu lực thi hành của Nghị quyết như trên là phù hợp)*.

**12. Tờ trình dự thảo nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[18]](#footnote-19))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và rà soát, chỉnh sửa, bổ sung lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Rà soát, điều chỉnh bỏ các nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh như: Việc hướng dẫn các địa phương, đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi, thời hạn tổ chức cuộc thi; việc hướng dẫn thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài để thực hiện các hoạt động; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ các nội dung thực hiện Đề án([[19]](#footnote-20)); dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông và phổ biến tuyên truyền*.* Đồng thời, chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị địa phương triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

-Chỉnh sửa, bổ sung lại dự thảo Nghị quyết như sau:

+ Tại điểm b, khoản 1 Điều 2 dự thảo nghị quyết: “*Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: mức chi theo thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia*”.

+ Tương tự đối với các nội dung chi khác *(điểm b khoản 2; điểm b khoản 3; điểm b khoản 5; điểm b khoản 6 của Điều 2 dự thảo nghị quyết)* đều chi theo thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt và có thể hiện mức chi tối đa.

- Chỉnh sửa lại nội dung gạch (-) đầu dòng thứ tư điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: “*Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực tại các địa phương, đơn vị cơ sở: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*”.

- Bổ sung vào điểm b, khoản 3, Điều 2 dự thảo Nghị quyết: “*Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.*”

- Tại Gạch (-) đầu dòng thứ nhất và thứ ba của điểm b khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, bổ sung và biên tập như sau:

*“- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:*

*+ Mức chi theo dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan, cấp thẩm quyền phê duyệt.*

*+ Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp.*

*+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.*”

*“- Hỗ trợ kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:*

*+ Mức chi: Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí theo dự toán thực hiện nhiệm vụ được cơ quan, cấp thẩm quyền phê duyệt.*

*+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.*”

- Đối với các nội dung liên quan đến chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, biên tập lại như sau: *“…Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019, Nghị quyết số …/2019/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND*”.

**13. Tờ trình dự thảo nghị quyết bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[20]](#footnote-21))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

- Tại phần căn cứ số 5, biên tập lại như sau: *“****Căn cứ khoản 3 Điều 14*** *Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.”*

- Biên tập lại tiêu đề dự thảo Nghị quyết như sau: “*Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

- Biên tập Điều 1 của dự thảo nghị quyết: “*Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

*Bổ sung mục: “III Thanh toán tiền chi phí đi lại” vào phần A; bổ sung mục: “III Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị” vào phần B của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh*”.

**14. Báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2019; phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[21]](#footnote-22))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến Ban Pháp chế, đồng thời đã có Văn bản 3179/UBND-KTTH ngày 28 tháng 11 năm 2019 chỉ đạo các Sở, ban ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch, giải pháp khắc phục đối với các sai sót, hạn chế tại ngành, đơn vị, địa phương mình về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Trong đó, thực hiện tốt các nhiệm vụ giải pháp nêu tại báo cáo thẩm tra; đối với việc chi trả chế độ hỗ trợ người làm nhiệm vụ tiếp công dân, đề nghị thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 6156/CV-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Sở Tài chính tại Công văn số 1756/STC ngày 20 tháng 6 năm 2019 *(trong tháng 01 năm 2020, các đơn vị, địa phương sẽ gửi Kế hoạch, giải pháp thực hiện đến Ban Pháp chế để theo dõi, giám sát).*

**15. Tờ trình dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2020([[22]](#footnote-23))**

Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Nội vụ và đề nghị giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68 để giải quyết các khó khăn trong việc sử dụng kinh phí từ định suất biên chế công chức để chi trả lương và thực hiện các chế độ, chính sách cho các trường hợp hợp đồng lái xe, bảo vệ, tạp vụ... như ý kiến của Ban Pháp chế tại Báo cáo nêu trên.

**16. Báo cáo vềkết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 và phương hướng, giải pháp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trong thời gian tới([[23]](#footnote-24))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo rà soát, điều chỉnh số liệu tại các phụ lục kèm theo báo cáo; đồng thời sẽ tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả các giải pháp theo kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Báo cáo nêu trên*(lồng ghép vào Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020*).

**17. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019([[24]](#footnote-25))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội, sẽ chỉ đạo xây dựng bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội vào Kế hoạch công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động (AT-VSLĐ) năm 2020 để triển khai thực hiện. Đồng thời, bổ sung, làm rõ các nội dung theo đề nghị của Ban Văn hóa - Xã hội như sau:

- Tỷ lệ người lao động được huấn luyện công tác AT-VSLĐ năm 2019 đạt thấp (15,3%); tỷ lệ báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động của các đơn vị, doanh nghiệp giảm, còn chậm trễ trong khai báo khi có tai nạn lao động xảy ra.

+ Nguyên nhân: Trong thời gian qua ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn, đôn đốc([[25]](#footnote-26)) và hỗ trợ, huấn luyện về AT-VSLĐ cho các doanh nghiệp nhưng các doanh nghiệp chưa có sự quan tâm, đúng mức công tác an toàn lao động, không đăng ký hỗ trợ, huấn luyện hoặc có đăng ký nhưng số lượng rất ít. Nhiều doanh nghiệp cán bộ làm công tác an toàn lao động là văn thư, kế toán kiêm nhiệm nên chưa tập trung chuyên sâu về AT-VSLĐ; một số doanh nghiệp còn che dấu, chưa khai báo kịp thời tai nạn lao động.

+ Giải pháp: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền nâng cáo nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các đơn vị, doanh nghiệp về công tác AT-VSLĐ; xử lý nghiêm các tổ chức, doanh nghiệp không khai báo hoặc có hành vi che dấu tai nạn lao động theo quy định.

- Tỷ lệ cơ sở, số người được khám bệnh nghề nghiệp còn thấp (04/130 cơ sở với 191 người); chỉ có 3.051 lao động của 56/130 cơ sở tổ chức khám sức khỏe định kỳ (43,07%).

+ Nguyên nhân: Ý thức chấp hành pháp luật, việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất còn hạn chế; hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị gặp khó khăn, trong khi đó chi phí khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp do doanh nghiệp tự hoạch toán chi trả.

+ Giải pháp: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo ngành Y tế tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến các địa phương và doanh nghiệp, người lao động biết tầm quan trọng của việc khám chữa bệnh và phòng chống bệnh nghề nghiệp; tổ chức tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho các bộ quản lý người lao động tại các doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh, kiểm tra phối hợp các liên ngành có liên quan, xử lý hành chính cho những đơn vị không thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Tỷ lệ doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động còn cao (*mới chỉ đạt khoảng 13%).*

+ Nguyên nhân: Theo Luật Công đoàn thì Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, được thành lập trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, doanh nghiệp không bắt buộc phải thành lập công đoàn mà có trách nhiệm vận động người lao động thành lập và gia nhập công đoàn đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, đa số các doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc thành lập công đoàn, phần lớn người lao động chưa nhận thức được việc thành lập tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích của minh nên chưa tự nguyên tham gia.

+ Giải pháp: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp với **Liên đoàn Lao động tỉnh** tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp đủ điều kiện để phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn; **cần đổi mới nội dung phương pháp hoạt động theo phương châm “***hướng mạnh về cơ sở, vì người lao động”***, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, tạo động lực thu hút công nhân lao động gia nhập tổ chức công đoàn**. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức và hoạt động công đoàn, nhằm bảo về các quyền lợi chính đáng của **công nhân lao động.**

- Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động; hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP...

+ Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động([[26]](#footnote-27)), như sau:

| **Tổng số người Khám SKĐK** | **Tổng số** | **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** | **Loại IV** | **Loại V** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nam | 1.612 | 449 | 465 | 427 | 225 | 48 |
| Nữ | 1.439 | 361 | 461 | 412 | 181 | 22 |
| **Tổng cộng** | **3.051** | **810** | **926** | **839** | **406** | **70** |

+ Hiệu quả: Qua phân loại sức khỏe của người lao động, ngành y tế đã có kiến nghị các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp về kỹ thuật và bảo hộ lao động cá nhân nhằm giảm thiểu các yếu tố bất lợi do các trang thiết bị gây ra; trang bị đầy đủ cho người lao động làm việc trong môi trường có tiếp xúc yếu tố nguy cơ có hại; sắp xếp, bố trí lại thời gian làm việc của người lao động cho phù hợp, tiếp tục duy trì quan trắc môi trường lao động hàng năm, lập hồ sơ vệ sinh lao động, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

**18. Báo cáo về kết quả giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI([[27]](#footnote-28))**

Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 3211/UBND-NNTN ngày 03 tháng 12 năm 2019 chỉ đạo các đơn vị, địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm giải quyết đạt kết quả các kiến nghị của cử tri liên quan đến chức trách, nhiệm vụ của ngành, địa phương; nghiêm túc khắc phục những hạn chế và triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm sớm giải quyết các kiến nghị của cử tri nhưng chưa được giải quyết và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân như đã nêu ra tại Báo cáo thẩm tra (*Văn bản đã gửi trực tiếp đến Ban Pháp chế để theo dõi, giám sát*).

**19. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nước ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[28]](#footnote-29))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và biên tập, chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Bổ sung cụm từ “*Bộ Trưởng*” tại các căn cứ Thông tư của Bộ Tài chính; Thay cụm từ “*Căn cứ*” bằng cụm từ “*Thực hiện*” tại căn cứ pháp lý thứ 11 cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bỏ các mức chi: Chi xây dựng phương án điều tra, thống kê, cập nhật, lập mẫu phiếu điều tra *(do không nằm trong công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn).*Các nội dung và mức chi khác thực hiện theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC và Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Rà soát, biên tập lại các nội dung chi và các mức chi: Chi công tác thu thập, cập nhật Bộ chỉ số; lấy mẫu xét nghiệm; chi hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin; chi cho công tác kiểm tra, giám sát; chi kiểm tra, xét nghiệm chất lượng nước; chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả thu thập, cập nhật Bộ chỉ số; chi hội nghị, tập huấn, hướng dẫn theo quy định Quyết định 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn thì hoạt động thu thập, cập nhật Bộ chỉ số nước sạch;Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017([[29]](#footnote-30)) và Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016([[30]](#footnote-31)) của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Biên tập lại dẫn chiếu nghị quyết như sau: “*Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số.…/2019/NQ-HĐND ngày … tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND*”.

- Biên tập lại Nghị quyết theo hướng đưa nội dung của phụ lục vào qui định trực tiếp trong Nghị quyết (*không ban hành phụ lục*); đồng thời, qua rà soát không đề xuất bổ sung thêm các nội dung và mức chi khác.

**20. Tờ trình dự thảo nghị quyết về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C([[31]](#footnote-32))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Tại phần căn cứ, chỉnh sửa nội dung sau thành:*“Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số .../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, Kỳ họp thứ 9; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,”.*

- Chỉnh sửa Điều 1 dự thảo nghị quyết như sau: “**Điều 1.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.” (*do Luật Đầu tư năm 2019 không còn quy định về tiêu chí phân loại dự án trọng điểm nhóm C, đồng thời các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư năm 2014 sẽ bị bãi bỏ sau khi Luật Đầu tư năm 2019 có hiệu lực từ năm 2020, do đó quy định tiêu chí phân loại dự án nhóm C quy mô nhỏ cũng không còn*).

**21.Tờ trình dự thảo Nghị quyết bổ sung 06 tuyến đường vào Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035([[32]](#footnote-33))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Chỉnh sửa lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 36), cụ thể:“*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”*.

- Bỏ phần căn cứ pháp lý “*Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh*...” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Chỉnh sửa lại Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau: “*Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, như sau:*

*Bổ sung 06 tuyến đường giao thông nông thôn vào mục 1 của Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể:*”

**22. Dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công([[33]](#footnote-34))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Chỉnh sửa lại tên gọi dự thảo nghị quyết như sau: *“Về việc điều chỉnh chủ trương đầu các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công”.*

- Tại phần căn cứ, chỉnh sủa nội dung sau thành: *“Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số .../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, Kỳ họp thứ 9; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,”*

- Chỉnh sửa lại Điều 1 dự thảo nghị quyết như sau:

“***Điều 1. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công****:*

*1. Dự án Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum (Thông tin điều chỉnh chi tiết dự án tại phụ lục 01 kèm theo).*

*2. Dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum (Thông tin điều chỉnh chi tiết dự án tại phụ lục 02 kèm theo).*”

- Chỉnh sửa lại nội dung tại Phụ lục 01, 02 kèm theo dự thảo nghị quyết, theo hướng như sau:

“***1. Nội dung điều chỉnh***

***1.1. Quy mô đầu tư:***

*..................................*

***1.2. Tổng mức đầu tư:****................... (Dự án nhóm B).*

***2.****Các nội dung khác giữ nguyên theo Thông báo số 69/TB-HĐND ngày 30/11/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.*”

**23. Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2019; Tờ trình dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020([[34]](#footnote-35))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, sẽ chỉ đạo các ngành có liên quan khắc phục những hạn chế; đồng thời triển khai thực hiện tốt các giải pháp đã được Ban Kinh tế - Ngân sách nêu tại Báo cáo thẩm tra (*lồng ghép vào Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020*).

Đồng thời, tiếp thu và bổ sung phần căn cứ dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020 như sau: “*Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022;*”.

**24. Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019([[35]](#footnote-36))**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 9 xem xét, điều chỉnh Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách (*chi tiết tại Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2029 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi tên gọi và bổ sung nội dung dự thảo Nghị quyết đã trình tại Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019([[36]](#footnote-37))*).

Đối với dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và biên tập, chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết như sau:

- Biên tập tên gọi dự thảo nghị quyết như sau: “*Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 tỉnh Kon Tum*”.

- Bỏ phần “*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019*”.

- Tại Điều 1 dự thảo nghị quyết, điều chỉnh bỏ nội dung “*đồng thời, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí để thu hồi vốn ứng trước của 03 huyện 293 trong năm 2020 theo quy định*.”.

- Chỉnh sửa Điều 2. Tổ chức thực hiện như sau:

“*1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.*

*2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện*”.

**25. Tờ trình dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Kon Tum**([[37]](#footnote-38)).

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ đề nghị phân bổ kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 (3.000 triệu đồng([[38]](#footnote-39))) cho Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG nông thôn mới tỉnh; đồng thời điều chỉnh các nội dung, số liệu phân bổ cho phù hợp như sau:

***(i) Báo cáo làm rõ kinh phí sự nghiệp đề nghị phân bổ cho Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG nông thôn mới tỉnh***

Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2020 bố trí cho Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh 3.000 triệu đồng để thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau: Đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |
| **TT** | **Đơn vị/Nội dung** | **ĐVT** | **SL** | **Kinh phí (Tr.đ)** |
|
|  | **Tổng cộng** |  |  | **3.000** |
| **I** | **Đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, truyền thông về xây dựng nông thôn mới** |  |  | **1.000** |
| - | Đào tạo, tập huấn cán bộ cấp tỉnh, huyện và các lớp điểm cấp xã, thôn về nâng cao năng lực trong xây dựng NTM | Lớp/HV | 6/620 | 600 |
| - | Học tập kinh nghiệm tại các tỉnh | Đợt/người | 01/40 | 120 |
| - | Xây dựng chuyên mục xây dựng NTM phát trên đài phát thành truyền hình tỉnh | Số | 12 | 130 |
| - | Kinh phí hoạt động và nhuận bút trên cổng thông tin điện tử Chương trình NTM | tr,đ |  | 50 |
| - | Xây dựng các tờ rơi, Pano appic ctuyên truyền về xây dựng NTM |  |  | 100 |
| **II** | **Thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm** |  |  | **2.000** |
| 1 | Tuyên truyền đến cộng đồng về Chương trình OCOP | tr,đ |  | 50 |
| 2 | Xây dựng phóng sự tuyên truyền trên thông tin đại chúng về Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh | số | 10 | 100 |
| 3 | Đào tạo tập huấn | Lớp |  | 400 |
| - | Tập huấn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện, xã | Lớp | 1 | 100 |
| - | Tập huấn phát triển nguồn nhân lực (xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh; phát triển sản phẩm; kỹ năng bán hàng…) | Lớp | 3 | 300 |
| 4 | Triển khai chu trình OCOP |  |  | 1.150 |
| - | Tổ chức đánh giá, cấp giấy chứng nhận và xếp hạng sản phẩm | Lần | 1 | 100 |
| - | Hỗ trợ bao bì sản phẩm, thiết bị phục vụ công nghệ sản xuất đối với sản phẩm đạt chuẩn cấp tỉnh | tr,đ |  | 800 |
| - | Hỗ trợ xúc tiến thương mại, trung bày giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh | lần | 5 | 250 |
| 5 | Tổ chức học tập kinh nghiệm chương trình OCOP trong nước (tại một số tỉnh tiêu biểu) | Đợt/người | 1/40 | 100 |
| 6 | Giám sát, đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình |  |  | 200 |
| - | Giám sát, đánh giá. | Tr,đ |  | 100 |
| - | Hội nghị tổng kết thực hiện Đề án giai đoạn 2018 - 2020 và triển khai thực hiện giai đoạn 2021 - 2030. | lần | 1 | 100 |

***(ii) Điều chỉnh các nội dung, số liệu phân bổ trong Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Kon Tum như sau:***

- Về nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp cho các huyện, thành phố (*tại Biểu số 03 của dự thảo Nghị quyết*): Hiệu chỉnh lại mức vốn phân cấp giữa huyện Tu Mơ Rông và huyện Ngọc Hồi để thống nhất với nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình tại Tờ trình 155/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019([[39]](#footnote-40)).

- Về kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia (*tại Biểu số 05 của dự thảo Nghị quyết*): Trên cơ sở nội dung tiếp thu và đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đối với nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia (*tại Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2029 của Ủy ban nhân dân tỉnh*), Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh một số nội dung so với phương án phân bổ đã trình tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 như sau:

+ Đối với nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Sau khi điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phân bổ 8.867 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của chương trình cho các ngành, địa phương([[40]](#footnote-41)).

+ Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

. Về nguồn vốn đầu tư phát triển: Đề nghị tiếp tục phân bổ 40.744 triệu đồng cho 02 huyện 30a (gồm: Huyện Tu Mơ Rông phân bổ 20.578 triệu đồng và huyện Kon Plông: 20.166 triệu đồng)([[41]](#footnote-42)).

. Về nguồn vốn sự nghiệp: Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 sau khi điều chỉnh, kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2020 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được điều chỉnh lại so với phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Tờ trình 162/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 như sau: (1) Điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2020 của huyện Ia HDrai từ 8.337 triệu đồng xuống còn 6.826 triệu đồng (giảm 1.551 triệu đồng), (2) điều chỉnh tăng kế hoạch năm 2020 của huyện Tu Mơ Rông từ 14.081 triệu đồng lên 14.844 triệu đồng (tăng 763 triệu đồng) và (3) điều chỉnh tăng kế hoạch năm 2020 của huyện Kon Plông từ 13.016 triệu đồng lên 13.764 triệu đồng (tăng 748 triệu đồng). Các nội dung khác không thay đổi.

**26. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sôngĐăkBla trên địa bàn thành phố Kon Tum (*tuyến bờ Bắc - đoạn từ làng KonHraChót đi làng Kon Tum Kơ Nâm, KonKlor 1 và Kon Tum Kơ Pơng*)**([[42]](#footnote-43)).

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, làm rõ tên gọi của dự án và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết như sau:

- Về tên gọi dự án là Dự án Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông ĐăkBla trên địa bàn thành phố Kon Tum (*tuyến bờ Bắc - đoạn từ làng KonHraChót đi làng Kon Tum Kơ Nâm, KonKlor 1 và Kon Tum Kơ Pơng*) như dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉnh sửa Báo cáo thẩm định của đơn vị cho phù hợp với tên gọi của dự án nêu trên trước khi trình Trung trương thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Chỉnh sửa lại tổng mức đầu tư dự án tại điểm 6 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau: Khoảng 474.358 tỷ đồng.

**27. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019**([[43]](#footnote-44)).

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc phân bổ, quản lý sử dụng kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2017, 2018, 2019 như sau:

Năm 2017 và năm 2018, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Quỹ Bảo trì đường bộ trung ương, các ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn trên để nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường tỉnh lộ và thực hiện các nhiệm vụ khác*(năm 2017, nguồn kinh phí bảo trì đường bộ được Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương cấp trực tiếp cho Quỹ Bảo trì đường bộ địa phương[[44]](#footnote-45)).*

Từ năm 2019, Trung ương phân bổ có mục tiêu về cho ngân sách địa phương. Căn cứ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các ngành có liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ nguồn kinh phí này trong các đợt tiếp theo theo đúng qui định.

***\* Ghi chú***: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh về thể thức và kỹ thuật trình bày, chỉnh sửa tiêu đề, câu từ… dự thảo các nghị quyết trình; đồng thời giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn chỉnh các dự thảo Nghị quyết; gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh./.

1. () Báo cáo số 39/BC-HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Báo cáo số 131/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-2)
2. () Về thông qua Đề án hỗ trợ phát triển cây cà phê xứ lạnh tại các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông và Kon Plông. [↑](#footnote-ref-3)
3. () Báo cáo gửi đại biểu để phục vụ tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ký họp thứ 9. [↑](#footnote-ref-5)
5. () Báo cáo số 69/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-6)
6. () Báo cáo số 113/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-7)
7. () Báo cáo số 121/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-8)
8. () Báo cáo số 117/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-9)
9. () Số liệu từ Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế -xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020. [↑](#footnote-ref-10)
10. () Báo cáo số 120/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-11)
11. () Báo cáo số 70/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-12)
12. () Báo cáo số 73/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-13)
13. () Báo cáo số 114/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-14)
14. () Báo cáo số 116/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-15)
15. () Báo cáo số 112/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-16)
16. () Báo cáo số 72/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-17)
17. () Ngày 01 tháng 01 năm 2020. [↑](#footnote-ref-18)
18. () Báo cáo số 111/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-19)
19. Tại Gạch (-) đầu dòng thứ nhất và thứ ba của điểm b khoản 6 Điều 2 dự thảo nghị quyết *(Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước).* [↑](#footnote-ref-20)
20. () Báo cáo số 115/BC-HĐND ngày 25/11/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-21)
21. () Báo cáo số 74/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-22)
22. () Báo cáo số 68/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-23)
23. ()*Báo cáo số 137/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh* [↑](#footnote-ref-24)
24. () Báo cáo số 35/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-25)
25. () Bằng văn bản, thông qua các cuộc thanh, kiểm tra. [↑](#footnote-ref-26)
26. () Theo tiêu chí tại Quyết định 1613/BYT-QĐ ngày 15/8/1997 của Bộ Y tế. [↑](#footnote-ref-27)
27. () Báo cáo số 75/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-28)
28. () Báo cáo số 125/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-29)
29. () Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020: Theo các quy định tại Khoản c, d mục 1 và khoản a mục 2 điều 45 (Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình) mục 11 (Nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới). [↑](#footnote-ref-30)
30. () Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia. [↑](#footnote-ref-31)
31. ()Báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh) [↑](#footnote-ref-32)
32. ()Báo cáo số 133/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-33)
33. ()Báo cáo số 135/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-34)
34. ()Báo cáo số 134/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-35)
35. ()Báo cáo số 127/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-36)
36. () Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 34/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-37)
37. () Báo cáo số 139/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-38)
38. () Tại Biểu số 05 kèm theo dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-39)
39. () Về phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh năm 2020. [↑](#footnote-ref-40)
40. () Tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 26 ngày 11 tháng 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, số vốn này để tại tỉnh chưa phân bổ chi tiết. [↑](#footnote-ref-41)
41. () Tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 26 ngày 11 tháng 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, số vốn này để tại tỉnh chưa phân bổ chi tiết. [↑](#footnote-ref-42)
42. () Báo cáo số 140/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-43)
43. () Báo cáo số 141/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-44)
44. Quyết định số 1361/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-45)